

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số
07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số
43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu
chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
153/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3049/TTr-STC
ngày 21/04/2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô
tô cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng và hình thức
quản lý xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi
quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

2. Các nội dung khác liên quan, thực hiện theo quy định tại Nghị định
số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe
ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước (gồm: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội
đồng nhân dân tỉnh, Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Ủy ban nhân dân
cấp xã), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức
chính trị - xã hội); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý
dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Đảng ủy cấp
xã (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy không
thuộc đối tượng áp dụng tại Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Phân bổ số lượng xe ô tô quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 153/2025/NĐ-CP, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 153/2025/NĐ-CP, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này của các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển hoặc mua sắm từ nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác được phép sử dụng của đơn vị phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

2. Xe ô tô chuyên dùng

a) Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe phòng, chống thiên tai; xe gắn thiết bị quan trắc môi trường và xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết khác); xe ô tô tải; xe ô tô trên 16 chỗ ngồi: chi tiết về đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Thủ trưởng đơn vị quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.

Điều 4. Hình thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Cấp tỉnh

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc phân bổ, bố trí sử dụng cho phù hợp với thực tế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức để phục vụ công tác chung cho phù hợp với thực tế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/5/2026. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

2. Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang.

4. Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyễn*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC thuộc Bộ Tư pháp;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: Các PCVP;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT.Thiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

PHỤ LỤC I
TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
 (Kèm theo Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại
A	Cấp tỉnh	373	
I	Khối các Văn phòng cấp tỉnh	17	
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 05 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	10	
2.1	Văn phòng	07	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 05 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
2.2	Các đơn vị trực thuộc Văn phòng	03	03 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
II	Khối Sở, ngành cấp tỉnh	320	
3	Sở Tài chính	06	
3.1	Văn phòng Sở Tài chính	04	04 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
3.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Tài chính	02	02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
4	Sở Xây dựng	16	
4.1	Văn phòng Sở Xây dựng	04	04 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
4.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng	12	09 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
5	Sở Y tế	116	
5.1	Văn phòng Sở Y tế	04	02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
5.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	112	59 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 17 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 29 Xe ô tô 16 chỗ ngồi 07 Xe bán tải
6	Sở Nội vụ	07	
6.1	Văn phòng Sở Nội vụ	04	02 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
6.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ	03	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
7	Sở Tư pháp	05	
7.1	Văn phòng Sở Tư pháp	04	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
7.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp	01	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
8	Sở Công thương	05	
8.1	Văn phòng Sở Công Thương	02	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
8.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương	03	03 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	102	
9.1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	04	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại
			01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
9.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	98	04 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 89 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 05 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
10	Sở Khoa học và Công nghệ	07	
10.1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	03	03 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
10.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	04	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô bán tải
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	38	
11.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	04	04 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
11.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	34	16 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 13 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 05 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11	
12.1	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	03	02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
12.2	Các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	08	04 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 03 Xe ô tô 16 chỗ ngồi 01 Xe ô tô bán tải
13	Thanh tra Tỉnh	4	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
14	Ban Quản lý Khu kinh tế Đồng Tháp	03	
14.1	Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế	02	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
14.2	Các đơn vị trực thuộc BQL Khu kinh tế	01	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
III	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh	29	
15	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
16	Ban quản lý dự án Tỉnh	3	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
17	BQL dự án đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
18	BQL dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
19	BQL dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
20	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực 1	3	03 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
21	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực 2	3	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại
			02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
22	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực 3	3	01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
23	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực 4	3	03 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
24	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
25	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	2	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
26	Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang	1	01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
27	Trường Đại học Tiền Giang	3	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 16 chỗ ngồi
28	Trường Cao đẳng Tiền Giang	2	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
IV	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm 04 tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh)	7	
29	Văn phòng Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	3	01 Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi 02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
30	Tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	4	
30.1	Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Tháp	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
30.2	Hội Nông dân tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
30.3	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
30.4	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1	01 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi
B	<u>CẤP XÃ</u>	02 xe/xã	02 Xe ô tô 7-8 chỗ ngồi

PHỤ LỤC II
TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC
CHUNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP
ĐƯỢC SỬA ĐỔI TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 56 /2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe)	Chủng loại	Mục đích sử dụng
A	CẤP TỈNH			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	02	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe thực hiện phân giới cắm mốc; phục vụ người có công
2	Sở Khoa học và Công nghệ			
2.1	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	01	Xe bán tải	Xe vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường			
3.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
3.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01	Xe bán tải	Xe phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
3.3	Chi cục Kiểm lâm	02	Xe bán tải	Xe thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
3.4	Ban quản lý Rừng phòng hộ và Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	01	Xe bán tải	Xe phục vụ công tác phòng chống cháy rừng
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
4.1	Ban quản lý Khu di tích	01	Xe bán tải	Xe phục vụ công tác phòng chống cháy rừng
5	Vườn Quốc gia Tràm chim	01	Xe bán tải	Xe phục vụ công tác phòng chống cháy rừng
6	Sở Nội vụ			
6.1	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Tỉnh	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe phục vụ người có công
7	Sở Y tế			
7.1	Trung tâm bảo trợ xã hội Đồng Tháp	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe phục vụ bảo trợ xã hội
7.2	Trung tâm bảo trợ xã hội Tiền Giang	01	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe phục vụ bảo trợ xã hội
8	Sở Công thương			
8.1	Chi cục Quản lý thị trường	10	Xe bán tải	Xe quản lý thị trường
B	CẤP XÃ			
1	Xã Phong Mỹ			
1.1	Ban Quản lý Rừng tràm Gáo Giồng	01	Xe bán tải	Xe phục vụ công tác phòng chống cháy rừng

PHỤ LỤC III
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DỤNG
(Kèm theo Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
I	Cấp tỉnh	28			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh				
1.1	Văn phòng	01	Xe hộ đề	1.400	Xe hộ đề
1.2	Trung tâm Hội nghị tỉnh	07	Xe tải	800	Xe phục vụ các hội nghị
2	Sở Khoa học và Công nghệ				
2.1	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ	01	Xe trên 16 chỗ ngồi	2.000	Xe kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, công tác lấy mẫu phân tích, thử nghiệm
		01	Xe tải	800	Xe phục vụ công tác chuyển giao thiết bị công nghệ
3	Sở Xây dựng				
3.1	Trung tâm Kiểm định và Bảo dưỡng công trình giao thông	03	Xe tải	800	Xe phục vụ quản lý, sửa chữa, kiểm định các công trình giao thông
		02	Xe ben	500	
		02	Xe tải cầu, xe cầu	2.000	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
4.1	Văn phòng Sở	01	Xe hộ đề	1.400	Xe hộ đề
4.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01	Xe tải	800	Xe chở dụng cụ, thiết bị, vắc xin chống dịch; phục vụ công tác thú y (bắt chó)
4.3	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	01	Xe có gắn thiết bị quan trắc, phòng thí nghiệm	2.000	Xe phục vụ, lấy mẫu, kiểm tra quan trắc phân tích môi trường

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
5.1	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật và Xúc tiến Du lịch	02	Xe tải	800	Xe chở trang thiết bị, diễn viên đi biểu diễn; xe truyền thông
		01	Xe sân khấu lưu động	2.000	
		03	Xe trên 16 chỗ	3.000	
5.2	Trường Phổ thông Năng khiếu và Huấn luyện, Thi đấu thể thao	03	Xe trên 16 chỗ	2.000	Xe chở học viên luyện tập; xe chở vận động viên luyện tập, thi đấu
5.3	Ban Quản lý Khu di tích - Bảo tàng - Thư viện	02	Xe tải	800	Xe chở sách, thiết bị thư viện
6	Vườn Quốc gia Tràm chim	01	Xe tải	800	Xe phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	01	Xe trên 16 chỗ	2.000	Xe chở học viên đi thực tập, đưa rước giảng viên
8	Trường Cao đẳng Tiền Giang	01	Xe trên 16 chỗ	2.000	Xe chở học viên đi thực tập, đưa rước giảng viên
9	Trường Đại học Tiền Giang	01	Xe trên 16 chỗ	2.000	Xe chở học viên đi thực tập, đưa rước giảng viên
10	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh	01	Xe trên 16 chỗ	2.000	Xe phục vụ công tác hoạt động thanh thiếu nhi
II	<u>CẤP XÃ</u>	09 xe/xã			
		02	Xe tải	800	Xe chở thiết bị, phục vụ truyền thông
		02	Xe ép rác	2.000	Xe vận chuyển rác, tưới cây xanh, rửa đường, cắt tĩa cây xanh
		01	Xe tưới cây, rửa đường	2.000	
		01	Xe quét hút rác bụi đường	2.000	

Số TT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	01	Xe hút bùn	2.000	
		01	Xe bồn phun rửa cống	2.000	
		01	Xe tải cẩu	2.000	